**BỆNH ÁN NỘI KHOA**

**Ngày làm bệnh án: .../.../2022**

**I. HÀNH CHÍNH:**

Tên:

Tuổi:

Giới tính:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Ngày NV: //2022

Giường: A – Khoa – Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

**II. LÝ DO NHẬP VIỆN**:

**III. BỆNH SỬ:**

Trước NV… ngày,

Trong quá trình bệnh, BN không uống cà phê, không dùng chất kích thích, không ăn mặn, không vận động mạnh, không xúc động, không tiếp xúc không khí lạnh, BN không choáng, không đau đầu, không méo miệng; không đau ngực; không chảy máu mũi, không đau bụng, không ngáy, không buồn ngủ ban ngày, không chuột rút, không yếu liệt cơ, không sốt, không sụt cân, không sợ nóng, không tiêu chảy.

## Sinh hiệu lúc NV

Mạch: 68 lần/phút

HA: 110/70mmHg

Nhiệt độ: 37 độ C

SpO2: 98%

Nhịp thở: 20 lần/phút

## Khám lúc nhập viện:

BN tỉnh, tiếp xúc được

Niêm hồng, không xuất huyết

Mạch quay rõ, không phù

Tim đều

Phổi không rale

Bụng mềm. không điểm đau khu trú

Cổ mềm, không dấu thần kinh định vị

**IV. TIỀN CĂN:**

1. **Cá nhân:**

a) Sản phụ khoa:

b) Bệnh lý

+ Nội khoa

+ Ngoại khoa

c) Thói quen

+ Sinh hoạt: Tập thể dục, hút thuốc lá

+ Ăn uống: Ăn mặn, sử dụng rượu bia

d) Dị ứng: không có.

e) Tiếp xúc thuốc, hóa chất: không có

f) Dịch tễ: chưa tiêm VGB, VGC

**2. Gia đình:**

Chưa ghi nhận bất thường.

**V. LƯỢT QUA CÁC CƠ QUAN: (7h ngày.../.../2022)**

- Tim mạch: không đau ngực, không hồi hộp, không đánh trống ngực.

- Hô hấp: không khó thở, không ho, không đàm, không khò khè

- Tiêu hóa: không nôn, không buồn nôn, không đau bụng , không tiêu chảy táo bón.

- Thận niệu: nước tiểu vàng trong, không bọt, không tiểu gắt, lắt nhắt, không tiểu gấp, lượng nước tiểu không thay đổi so với trước đây

- Thần kinh: không đau đầu không chóng mặt, không mất ngủ, không vã mồ hôi

- Cơ xương khớp: không yếu liệt chi, không bị giới hạn vận động, không đau nhức xương khớp

**VI. KHÁM LÂM SÀNG (7h30 ngày .../.../2022)**

**1. Tổng trạng:**

- BN tỉnh, tiếp xúc tốt, hợp tác tốt.

- Vẻ mặt tươi tỉnh

- Sinh hiệu:

+ Mạch 80l/ph

+ HA tay phải 120/80mmHg

+ Nhịp thở đều, 20l/ph.

- Chiều cao: m ;Cân nặng: ,,, Kg à BMI = ... à Thể trạng gầy, béo , trung bình

- Da niêm: da niêm hồng, chi ấm, không dấu xuất huyết, không tím môi đầu chi, không vàng da niêm.

- Hạch ngoại biên: không sờ chạm.

- Mạch ngoại biên rõ đều 2 bên.

- Không phù, không có dấu mất nước

**2) Đầu mặt cổ:**

- Đầu cân đối, không biến dạng

- Không có ban vàng mi mắt, không xuất huyết võng mạc

- Mũi không xuất tiết, không chảy máu mũi, họng sạch không môi khô lưỡi dơ

- Không sâu răng, không u bướu vùng mặt.

- Không sờ chạm hạch vùng cổ

- Khí quản không lệch, không âm thổi động mạch cảnh, không tĩnh mạch cổ nổi tư thế 45 độ.

- Tuyến giáp không sờ thấy di động tốt theo nhịp nuốt, không nghe âm thổi tuyến giáp.

**3) Lồng ngực:**

- Nhìn: lồng ngực cân đối, di động đều theo nhịp thở, không sẹo mổ cũ, không ổ đập bất thường, không tuần hoàn bàng hệ, khoang liên sườn không dãn rộng, không có sao mạch.

- Tim:

+ Nhìn: Không thấy ổ đập bất thường, không thấy diện đập mỏm tim, không sẹo mổ cũ, không sưng nóng đỏ đau.

+ Sờ: mỏm tim ở KLS V, đường trung đòn trái, không rung miêu, dấu nảy trước ngực (-); Dấu Harzer (-)

+ Nghe: T1 T2 đều rõ, tần số 90 lần/phút, nhịp tim trùng nhịp mạch, không tiếng tim bất thường, không âm thổi.

- Phổi:

+ Sờ: rung thanh đều 2 phế trường;

+ Gõ: gõ trong khắp phổi;

+ Nghe: rì rào phế nang êm dịu 2 phế trường, không ran phổi bệnh lý.

**4) Bụng:**

+ Nhìn: cân đối, di động theo nhịp thở, không ổ đập bất thường, không sao mạch, không tuần hoàn bàng hệ, không sẹo mổ cũ, rốn lõm.

+ Nghe: nhu động ruột 6l/ph, ko âm thổi đm chủ bụng, thận;

+ Gõ: gõ trong khắp bụng;

+ Sờ: bụng mềm, không điểm đau; Gan không to; Lách không sờ chạm; Chạm thận – bập bềnh thận (-)

**5) Tứ chi- cột sống:** không biến dạng chi, không gù vẹo cột sống, bắt được mạch mu chân và chày sau

**6) Thần kinh:** cổ mềm, chi vận động giới hạn bình thường, không rối loạn cảm giác chi, không dấu thần kinh định vị

**VII. TÓM TẮT BỆNH ÁN:**

- BN ..., ... tuổi, nhập viện vì ..., bệnh ... ngày. Qua hỏi bệnh sử và thăm khám ghi nhận:   
- Triệu chứng cơ năng:

+

+

- Triệu chứng thực thể:

a) Lúc nhập viện

+ Sinh hiệu lúc nhập viện: Mạch 90l/ph, HA 120/80 mmHg, nhịp thở 22l/ph, Nhiệt độ 37oC

+

b) Khám ngày 5/4/2022

+

+

**VIII. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1) Hội chứng

2) Tiền căn

**IX. CHẨN ĐOÁN**

**-** Chẩn đoán sơ bộ:

- Chẩn đoán phân biệt:

**X. BIỆN LUẬN**

**1) Vấn đề 1**

**XI. ĐỀ NGHỊ CẬN LÂM SÀNG**

1. **Cận lâm sàng thường quy**

**-** Công thức máu, ion đồ, Xquang ngực thẳng, đường huyết đói, TPTNT, AST, ALT, BUN, Creatinin máu, ECG.

1. **Cận lâm sàng chẩn đoán HCTH**

\_ Chẩn đoán xác định:

\_ Chẩn đoán tìm nguyên nhân:

\_ Chẩn đoán biến chứng:

**XII. CẬN LÂM SÀNG**